

Số: 0430/2015/BCKQCTSX-KTV

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa được lập ngày 30 tháng 9 năm 2015, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015 và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 "Công tác soát xét Báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác liên quan. Vì vậy, Chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định tính chính xác của số lượng hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.

Đồng thời đối với tài sản là công cụ, dụng cụ không đáp ứng đủ điều kiện xác định là Tài sản cố định hiện tại Công ty đang thể hiện trên giá trị chi phí trả trước dài hạn như chi phí lắp đặt hệ thống nước cho các hộ tư gia, chi phí lắp đồng hồ thay thế hết thời hạn sử dụng và các chi phí khác...trên chi tiêu " Chi phí trả trước dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh chưa nhất quán về thời gian phân bổ (Xem thuyết minh số V.7). Công ty chỉ căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại công cụ, dụng cụ để phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giá trị chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn như mô tả ở đoạn trên, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2015



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN ĐỨC TẤN - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2666-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.645.544.478	148.053.708.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.218.239.649	17.379.580.210
1. Tiền	111		9.218.239.649	17.379.580.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.000.000.000	62.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	41.000.000.000	62.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.551.655.968	30.566.836.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.412.364.841	27.189.262.268
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.592.425.600	2.186.899.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	546.865.527	1.190.675.252
IV. Hàng tồn kho	140		36.460.222.594	33.190.983.877
Hàng tồn kho	141	V.6	36.460.222.594	33.190.983.877
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.415.426.267	4.916.307.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	354.368.963
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		570.943.229	912.435.118
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	1.844.483.038	3.649.503.899
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		316.505.887.293	321.564.897.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		282.129.191.421	281.438.952.686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	263.596.202.916	262.213.079.283
Nguyên giá	222		519.879.892.680	496.015.005.625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(256.283.689.764)	(233.801.926.342)
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.9	18.532.988.505	19.225.873.403
Nguyên giá	225		22.698.885.000	22.698.885.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.165.896.495)	(3.473.011.597)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.754.198.862	11.746.127.754
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	2.477.655.650	2.485.165.920
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.276.543.212	9.260.961.834
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	2.000.000.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.622.497.010	27.379.817.138
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	15.622.497.010	27.379.817.138
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		475.151.431.771	469.618.606.565

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 6 tháng đầu năm 2015
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		183.783.598.657	185.267.933.769
I. Nợ ngắn hạn	310		65.587.291.925	83.315.676.037
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.049.668.370	15.324.053.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.194.559.000	3.579.734.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	24.391.572.377	24.920.803.604
4. Phải trả người lao động	314		10.749.983.998	21.627.506.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.119.612.911	2.584.915.122
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	106.045.453
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	407.635.991	471.408.657
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	11.356.160.000	11.006.160.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.318.099.278	3.695.049.278
II. Nợ dài hạn	330		118.196.306.732	101.952.257.732
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	9.697.085.354	10.554.835.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	108.499.221.378	91.397.422.378
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.367.833.114	284.350.672.796
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	291.367.833.114	284.350.672.796
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.349.780.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.165.177.179	23.497.796.861
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		14.970.791.861	23.497.796.861
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		13.194.385.318	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		475.151.431.771	469.618.606.565

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015



TRẦN VĂN HUY
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
 Kế toán trưởng

HOÀNG HƯƠNG GIANG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2015

(Có so sánh số liệu 6 tháng đầu năm 2014)

Mẫu B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	105.819.755.793	81.981.299.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.939.364	9.312.686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.811.816.429	81.971.987.173
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.449.436.361	68.589.167.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.362.380.068	13.382.819.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.941.640.661	1.673.865.887
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.674.877.592	2.536.342.273
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.674.877.592	2.536.342.273
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	173.855.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.747.318.594	2.629.645.744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.707.969.543	9.890.697.477
11. Thu nhập khác	31		1.914.894.967	1.976.944.606
12. Chi phí khác	32		1.589.425.778	1.601.168.830
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	325.469.189	375.775.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.033.438.732	10.266.473.253
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.839.053.414	1.149.705.267
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.194.385.318</u>	<u>9.116.767.986</u>



Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015

TRẦN VĂN HUY

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN

Kế toán trưởng

HOÀNG HƯƠNG GIANG

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.033.438.732	10.266.473.253
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.174.648.320	22.391.723.688
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(1.941.640.661)	(1.673.865.887)
- Chi phí lãi vay	06		2.674.877.592	2.536.342.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.941.323.983	33.520.673.327
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	5.184.643.702	3.488.079.358
- Tăng hàng tồn kho	10		(3.261.728.447)	(3.210.776.288)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải nộp)	11			
- Giảm chi phí trả trước	12	VII	(45.815.463.534)	(58.071.956.534)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	12.111.689.091	7.185.672.027
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.581.388.609)	(3.424.742.273)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(700.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.314.175.000)	(5.508.734.248)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.264.901.186	(26.721.784.631)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.556.731.408)	(15.082.648.715)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.638.040.747)	(23.708.782.828)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		22.754.879.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.303.080.000)	(2.706.540.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(3.240.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.211.799.000	(2.706.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.838.659.439	(53.137.107.459)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.379.580.210	-
Tiền bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa				72.770.143.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	30.218.239.649	19.633.036.081

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015



TRẦN VĂN HUY
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng

HOÀNG HƯƠNG GIANG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hiện nay, Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. **Cấu trúc của Công ty**

Công ty có công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Khai thác, xử lý, cung cấp nước	30%	30%

6. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 320 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 321 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đây là kỳ kế toán thứ 2 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số VII.4 của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Ký quỹ vô chai, phải thu thuế Thu nhập cá nhân của Công nhân viên và các khoản tạm ứng nhân viên.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định khác của Công ty.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước Thành phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,...chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thay mới đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đối số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
Tiền mặt	146.827.084	19.568.776
Tiền gửi ngân hàng	9.071.412.565	17.360.011.434
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	-
Cộng	30.218.239.649	17.379.580.210

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	30.000.000.000	33.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	11.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	9.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải	-	3.000.000.000
Cộng	41.000.000.000	62.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 41.000.000.000 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62.000.000.000 đồng), lãi suất từ 5,3% đến 5,7%/năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Phải thu tiền nước khách hàng	25.925.593.190	21.683.231.268
Phải thu hoạt động xây lắp	486.771.651	512.484.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	-	4.993.547.000
Cộng	<u>26.412.364.841</u>	<u>27.189.262.268</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	-	912.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	18.072.330.000	-
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	952.274.000	-
Công ty Cổ phần truyền thông Adtec	552.987.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường (Ideca)	437.910.000	437.910.000
Công ty TNHH Trung Nguyên	-	549.869.400
Các khách hàng khác	1.576.924.000	287.120.000
Cộng	<u>21.592.425.600</u>	<u>2.186.899.400</u>
(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	-	912.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số dư 30/6/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	22.950.000	-	-	-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên	47.211.110	-	1.017.870.100	-
Phải thu tiền BHXH	44.233.701	-	17.805.152	-
Tạm ứng nhân viên	412.470.716	-	135.000.000	-
Cộng	<u>546.865.527</u>	<u>-</u>	<u>1.190.675.252</u>	<u>-</u>

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	36.460.222.594	33.190.983.877
Cộng	<u>36.460.222.594</u>	<u>33.190.983.877</u>

7. Chi phí trả trước

<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	8.856.205.885	354.368.963
Chi phí công cụ, dụng cụ	112.521.736	317.414.963
Hệ thống nước	7.683.137.086	-
Đồng hồ thay mới	1.060.547.063	-
Chi phí khác	-	36.954.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>6.766.291.125</i>	<i>27.379.817.138</i>
Lợi thế kinh doanh	2.041.405.467	2.721.873.951
Đồng hồ thay mới	532.888.192	8.923.738.341
Hệ thống nước	4.075.789.164	14.931.308.139
Chi phí khác	116.208.302	802.896.707
Cộng (*)	<u>15.622.497.010</u>	<u>27.734.186.101</u>

(*) Trong đó Công ty đã phân bổ khoản chi phí trả trước dài hạn như chi phí lắp đặt hệ thống nước cho các hộ tư gia, chi phí lắp đồng hồ thay thế hết thời hạn sử dụng và các chi phí khác...chưa nhất quán về thời gian với số tiền phân bổ vượt hơn so với quy định là 12.311.023.050 VND.

23800

Y CỔ PH

ĐẤT NU

VH HỒ

3-TK

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2015	48.202.105.301	89.670.675.463	357.168.429.481	973.795.380	496.015.005.625
Tăng trong kỳ	246.166.000	7.303.527.509	15.508.193.546	807.000.000	23.864.887.055
Mua sắm mới	221.667.000	2.859.584.509	1.564.816.546	807.000.000	5.453.068.055
Chuyển từ XDCB sang	24.499.000	4.443.943.000	13.943.377.000	-	18.411.819.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2015	48.448.271.301	96.974.202.972	372.676.623.027	1.780.795.380	519.879.892.680
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2015	21.707.869.156	50.904.794.171	160.389.941.484	799.321.531	233.801.926.342
Tăng trong kỳ	1.710.769.644	5.923.769.528	14.600.040.567	174.351.195	22.408.930.934
Khấu hao trong kỳ	1.710.769.644	5.923.769.528	14.672.873.055	174.351.195	22.481.763.422
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2015	23.418.638.800	56.828.563.699	175.062.814.539	973.672.726	256.283.689.764
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2015	26.494.236.145	38.765.881.292	196.778.487.997	174.473.849	262.213.079.283
Số dư 30/6/2015	25.029.632.501	40.145.639.273	197.613.808.488	807.122.654	263.596.202.916
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
Tại 01/01/2015	4.458.174.354	31.722.289.923	13.504.039.874	185.526.380	49.870.030.531
Tại 30/6/2015	4.458.174.354	29.988.016.517	16.006.675.050	730.195.380	51.183.061.301

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
GTCL của TSCĐ hữu hình đang thế chấp Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo nợ các khoản vay dài hạn (xem Thuyết minh số V.19):					
Tại 01/01/2015	7.967.024.746	11.014.542.278	2.688.700.437	-	21.670.267.461
Tại 30/6/2015	7.340.616.580	8.965.588.275	2.538.400.413	-	18.844.605.268

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư 30/6/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2015	1.559.854.800	1.671.736.709	241.420.088	3.473.011.597
Tăng trong kỳ	389.963.700	282.227.996	20.693.202	692.884.898
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư 30/6/2015	1.949.818.500	1.953.964.705	262.113.290	4.165.896.495
Giá trị còn lại				
Số dư 01/01/2015	17.938.330.200	908.167.291	379.375.912	19.225.873.403
Số dư 30/6/2015	17.548.366.500	625.939.295	358.682.710	18.532.988.505

Nguyên giá phần mềm máy vi tính bao gồm các phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.019.203.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 820.203.000 VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.477.655.650	2.485.165.920
Cộng	2.477.655.650	2.485.165.920

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình tuyến ống cấp nước DN 300 từ đường Nguyễn Khuyến - Ngã ba Hòn Xện	-	2.769.873.973
Công trình tuyến ống cấp nước từ Ngã Ba Thành đi tỉnh lộ 2	-	1.773.348.323
Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	6.845.560.561	2.259.749.016
Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang	409.027.272	409.027.272
Các công trình tuyến ống cấp nước	6.309.596.104	902.886.677
Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điền - Diên Phú	712.359.275	603.630.195
Chợ Lương Sơn đến Trường THCS Nguyễn Việt Xuân	-	542.446.378
Cộng	14.276.543.212	9.260.961.834

12. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	2.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	1.000.000.000

(*) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tổng số vốn góp là 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 22.000.000.000VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số dư 30/6/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	193.696.000	193.696.000	-	-
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	952.919.000	952.919.000	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Á Châu	920.150.000	920.150.000	986.000.000	986.000.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	857.406.000	857.406.000	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số dư 30/6/2015		Số dư 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến	605.350.020	605.350.020	2.403.466.560	2.403.466.560
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.670.350.000	1.670.350.000	1.887.721.000	1.887.721.000
Osaki Precision Co.,Ltd	885.986.420	885.986.420	-	-
Công ty Cổ phần truyền thông Adtec	-	-	2.217.600.000	2.217.600.000
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	-	-	755.224.000	755.224.000
Công ty TNHH Dững Lợi	-	-	3.377.427.000	3.377.427.000
Công ty Cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa	344.815.000	344.815.000	1.706.554.370	1.706.554.370
Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Việt Phố	121.834.200	121.834.200	875.722.500	875.722.500
Các nhà cung cấp khác	1.497.161.730	1.497.161.730	1.114.338.348	1.114.338.348
Cộng	8.049.668.370	8.049.668.370	15.324.053.778	15.324.053.778
(*) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	193.696.000	193.696.000	-	-

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
Người mua trả trước cho hoạt động xây lắp và thiết kế	3.194.559.000	3.579.734.000
Cộng	3.194.559.000	3.579.734.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2015
Thuế GTGT hàng bán/dịch vụ cung cấp trong nước	-	177.562.789	177.562.789	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.649.503.899)	1.839.053.414	-	(1.810.450.485)
Thuế thu nhập cá nhân	1.001.128.654	641.318.500	1.543.070.154	99.377.000
Tiền thuế đất	19.498.185.000	-	-	19.498.185.000
Các loại thuế khác	119.888.800	764.787.920	784.106.873	100.569.847
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế tài nguyên	119.888.800	750.972.520	736.258.920	134.602.400
Thuế nhà đất (*)	-	10.815.400	44.847.953	(34.032.553)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.301.601.150	23.574.691.166	23.216.884.339	4.659.407.977

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2015
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	-	1.596.416.106	1.272.373.759	324.042.347
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	4.003.468.550	21.354.218.860	21.354.717.420	4.002.969.990
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	298.132.600	624.056.200	589.793.160	332.395.640
Cộng	21.271.299.705	26.997.413.789	25.721.624.155	22.547.089.339

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	3.649.503.899			1.844.483.038
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.920.803.604			24.391.572.377

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Hoạt động cung cấp nước sạch : 10%

+ Hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác : 5%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
Chi phí lãi vay phải trả	488.466.004	506.577.021
Chi phí công trình	653.854.386	1.230.314.603
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	324.000.000
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	-	131.600.000
Chi phí tiền điện sản xuất	735.182.040	-
Chi phí khác	242.110.481	392.423.498
Cộng	2.119.612.911	2.584.915.122

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu lắp đặt ống nhánh tư gia	-	106.045.453
Cộng	-	106.045.453

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả khác

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Phải trả ngắn hạn khác	407.635.991	471.408.657
Kinh phí công đoàn	336.180.741	281.474.741
Trích nộp Bảo hiểm xã hội	-	-
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	71.455.250	68.744.470
Thuế TNCN còn phải trả cho CNV	-	53.189.446
Chi phí bảo lãnh dự thầu	-	68.000.000
Phải trả dài hạn khác	9.697.085.354	10.554.835.354
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	9.014.800.000	9.903.200.000
Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên	282.285.354	251.635.354
Khoản tiền nhận cho Công trình Khu kinh tế mới Chín Khúc - An Ninh - Diên An - Diên Khánh	400.000.000	400.000.000
Cộng	10.104.721.345	11.026.244.011

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng/ lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

19. Vay và nợ tài chính

	<u>Số dư 30/6/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn	11.356.160.000	11.356.160.000	11.006.160.000	11.006.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa	2.330.000.000	2.330.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
Vay dài hạn	108.499.221.378	108.499.221.378	91.397.422.378	91.397.422.378
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	72.209.280.978	72.209.280.978	76.722.360.978	76.722.360.978
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (ii)	13.535.061.400	13.535.061.400	14.675.061.400	14.675.061.400
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa (iii)	22.754.879.000	22.754.879.000	-	-
Tổng cộng	119.855.381.378	119.855.381.378	102.403.582.378	102.403.582.378



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa với hạn mức 135.392.400.978 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn vay là 25 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc 20 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 đến ngày 01 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 81.235.440.978 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 , Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi Chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản , vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “ Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

(ii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát Triển Khánh Hòa với hạn mức 28.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch xã Vĩnh Lương”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cảnh. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29 %/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 15.865.061.400 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa với hạn mức 78.987.739.865 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này dùng để Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cảnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cảnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Khoản vay này chịu lãi suất 0%. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 22.754.879.000 VND.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hoà được hoàn trả theo lịch như sau:

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Trong vòng 1 năm	11.356.160.000	11.006.160.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	49.639.701.400	48.914.640.000
Sau 5 năm	36.104.640.978	42.482.782.378
Cộng	97.100.502.378	102.403.582.378
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(11.356.160.000)	(11.006.160.000)
Số phải trả sau 12 tháng	85.744.342.378	91.397.422.378

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Khoản mục	Số dư 01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi/ sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 30/6/2015
Quỹ khen thưởng	(280.942.000)	2.349.780.000	-	(591.840.000)	1.476.998.000
Quỹ phúc lợi	3.975.991.278	-	116.000.000	(250.890.000)	3.841.101.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	587.445.000	-	(587.445.000)	-
Cộng	3.695.049.278	2.937.225.000	116.000.000	(1.430.175.000)	5.318.099.278

420
CÔNG
CẤP
KH
TRA

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2014	-	-	-	-	-
Bản giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa	260.000.000.000	852.875.935	4.891.090.568	6.474.909.643	272.218.876.146
Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	23.497.796.861	23.497.796.861
Nộp quỹ đầu tư phát triển năm 2013	-	-	(4.891.090.568)	-	(4.891.090.568)
Nộp lợi nhuận năm 2012 và năm 2013	-	-	-	(6.474.909.643)	(6.474.909.643)
Số dư 31/12/2014	260.000.000.000	852.875.935	-	23.497.796.861	284.350.672.796
Số dư 01/01/2015	260.000.000.000	852.875.935	-	23.497.796.861	284.350.672.796
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015	-	-	-	13.194.385.318	13.194.385.318
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.349.780.000	(2.349.780.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.937.225.000)	(2.937.225.000)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Số dư 30/6/2015	260.000.000.000	852.875.935	2.349.780.000	28.165.177.179	291.367.833.114

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
Cộng	260.000.000.000	100,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu	105.819.755.793	81.981.299.859
Doanh thu sản xuất nước sạch	99.658.960.023	80.010.441.716
Doanh thu hoạt động xây lắp	5.752.132.230	1.803.576.709
Doanh thu khảo sát thiết kế	408.566.040	167.281.434
Doanh thu bán vật tư	97.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.939.364	9.312.686
Hàng bán bị trả lại	7.939.364	9.312.686
Doanh thu thuần	105.811.816.429	81.971.987.173

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn sản xuất nước	81.789.266.094	66.852.173.917
Giá vốn xây lắp	5.560.129.507	1.696.739.331
Giá vốn thiết kế	99.943.399	40.254.318
Giá vốn bán vật tư	97.361	-
Cộng	87.449.436.361	68.589.167.566

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	1.941.640.661	1.673.865.887
Cộng	1.941.640.661	1.673.865.887

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	2.674.877.592	2.536.342.273
Cộng	2.674.877.592	2.536.342.273

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.080.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.150.000	-
Chi phí bằng tiền khác	14.625.000	-
Cộng	173.855.000	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	448.392.436	787.277.875
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	927.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.710.948	186.471.589
Chi phí khấu hao	145.574.454	138.376.316
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	13.347.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.680.890	89.280.039
Chi phí bằng tiền khác	1.500.959.866	1.413.965.152
Cộng	2.747.318.594	2.629.645.744

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu phí bảo vệ môi trường	1.860.862.200	1.814.287.600
Thu nhập khác	54.032.767	162.657.006
Thu nhập khác	1.914.894.967	1.976.944.606
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	1.409.542.000	1.391.584.000
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư	65.018.076	65.018.076
Chi phí tiền xăng dầu	98.485.480	86.403.080
Chi phí bị phạt	454.543	25.606.938
Chi phí khác	15.925.679	32.556.736
Chi phí khác	1.589.425.778	1.601.168.830
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	325.469.189	375.775.776

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015			6 tháng đầu năm 2014		
	Hoạt động ưu đãi	Hoạt động không ưu đãi	Cộng	Hoạt động ưu đãi	Hoạt động không ưu đãi	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.589.321.447	2.444.117.285	15.033.438.732	9.459.979.324	806.493.929	10.266.473.253
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	-	192.797.574	192.797.574	262.786.710	-	262.786.710
Trừ: Các khoản thu nhập không tính thuế	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.589.321.447	2.636.914.859	15.226.236.306	9.722.766.034	806.493.929	10.529.259.963
Bù trừ giữa các hoạt động	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi bù trừ	12.589.321.447	2.636.914.859	15.226.236.306	9.722.766.034	806.493.929	10.529.259.963
Thuế suất thông thường	10%	22%		10%	22%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.258.932.145	580.121.269	1.839.053.414	972.276.603	177.428.664	1.149.705.267
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.258.932.145	580.121.269	1.839.053.414	972.276.603	177.428.664	1.149.705.267

Đối với hoạt động sản xuất nước, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế theo công văn 143/CT-TTHT ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào khoản 3(a), điều 19 thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Đối với hoạt động động sản xuất, kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.817.826.996	12.042.037.245
Chi phí nhân công	22.223.893.371	17.637.819.014
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.109.630.244	22.326.705.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.923.725.482	17.080.482.781
Chi phí khác bằng tiền	3.288.023.592	3.097.572.876
Cộng	<u>90.363.099.685</u>	<u>72.184.617.528</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tương đương 2,5% vốn điều lệ (xem thuyết minh số V.12). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 22.000.000.000 VND.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu Công ty liên kết

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Góp vốn đầu tư	1.000.000.000	300.000.000
Ứng trước chi phí tư vấn lập hồ sơ thiết kế thi công dự toán nâng công suất Nhà máy Võ Cảnh	-	53.766.000
Ứng trước tiền cải tạo hệ thống cấp nước Khu đô thị Biển An Viên	630.000.000	-
Phải trả phí cải tạo hệ thống cấp nước Khu đô thị Biển An Viên	1.694.285.000	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 30/6/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Phải trả người bán ngắn hạn	193.696.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	912.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lương, thưởng và phụ cấp	1.194.719.000	1.107.778.000
Cộng	1.194.719.000	1.107.778.000

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số dư 30/6/2015	Số dư 01/01/2015
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.218.239.649	17.379.580.210
Đầu tư ngắn hạn	41.000.000.000	62.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.412.364.841	27.189.262.268
Phải thu ngắn hạn khác	67.211.110	1.037.870.100
Cộng	97.697.815.600	107.606.712.578
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	8.049.668.370	15.324.053.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.119.612.911	2.584.915.122
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.356.160.000	11.006.160.000
Phải trả dài hạn khác	9.697.085.354	10.554.835.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	108.499.221.378	91.397.422.378
Cộng	139.721.748.013	130.867.386.632

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của hàng hóa, vật tư mua vào.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả tiền trước, đặt cọc hay trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số dư 30/6/2015				
Phải trả người bán ngắn hạn	8.049.668.370	-	-	8.049.668.370
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.119.612.911	-	-	2.119.612.911
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.356.160.000	-	-	11.356.160.000
Phải trả dài hạn khác	-	9.697.085.354	-	9.697.085.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	108.499.221.378	-	108.499.221.378
Cộng	21.550.441.281	118.196.306.732	-	139.721.748.013
				-
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.218.239.649	-	-	30.218.239.649
Đầu tư ngắn hạn	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.412.364.841	-	-	26.412.364.841
Phải thu ngắn hạn khác	67.211.110	-	-	67.211.110
Cộng	97.697.815.600	-	-	97.697.815.600
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	76.172.374.319	(118.196.306.732)	-	(42.023.932.413)
				-
Số dư 01/01/2015				
Phải trả người bán ngắn hạn	15.324.053.778	-	-	15.324.053.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.584.915.122	-	-	2.584.915.122
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.006.160.000	-	-	11.006.160.000
Phải trả dài hạn khác	-	10.554.835.354	-	10.554.835.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	91.397.422.378	-	91.397.422.378
Cộng	28.915.128.900	101.952.257.732	-	130.867.386.632
				-
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.379.580.210	-	-	17.379.580.210
Đầu tư ngắn hạn	62.000.000.000	-	-	62.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.189.262.268	-	-	27.189.262.268
Phải thu ngắn hạn khác	1.037.870.100	-	-	1.037.870.100
Cộng	107.606.712.578	-	-	107.606.712.578
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	78.691.583.678	(101.952.257.732)	-	(23.260.674.054)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Phân loại lại số liệu tương ứng

Một số khoản khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số dư 31/12/2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số dư 31/12/2014 (được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	964.680.654	225.994.598	1.190.675.252
Hàng tồn kho	35.676.149.797	(2.485.165.920)	33.190.983.877
Tài sản ngắn hạn khác	155.000.000	(155.000.000)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang dài hạn	-	2.485.165.920	2.485.165.920

5. Sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015



TRẦN VĂN HUY
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng

HOÀNG HƯƠNG GIANG
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính